

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS - ST
Ngày 15 - 7 - 2021
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC”**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Khương Đặng Khánh Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà và ông Lê Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2020/TLST - DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXX- ST ngày 02 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2021/QĐST - DS ngày 30/6/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Xuân H, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số nhà 702, tổ 10, phường Y, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; (có mặt)

Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh Thị M, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số nhà 702, tổ 10, phường Y, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Vũ Xuân H, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số nhà 702, tổ 10, phường Y, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; (bà M vắng mặt, ông H có mặt);

Người làm chứng: Anh Trần Đăng K, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; Anh Lê Văn S, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc (anh K có mặt, anh S vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo ông Vũ Xuân H là nguyên đơn và đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Thị M trình bày: Do có mối quan hệ thân thiết với bà Trần Thị H từ lâu nên vợ chồng ông có nhiều lần cho bà Trần Thị H vay tiền. Sau đó hai bên có chốt nợ 03 lần: Lần 1 vào ngày 20/8/2012 ông cho bà Trần Thị H vay 20.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng và thời hạn vay từ 01 đến 02 tháng phải trả cả gốc và lãi. Lần 2 vào ngày 10/9/2012 cho bà Trần Thị H vay 50.000.000 đồng viết bằng số nhưng ở mục ghi số tiền bằng chữ: ba mươi triệu đồng. Bà H là người viết giấy và do tin tưởng nhau nên ông không kiểm tra và không biết có sự mâu thuẫn về số tiền vay bằng chữ và bằng số. Do vậy Ông tự nguyện tính chốt số tiền cho bà H vay là theo số tiền được ghi ở mục ghi bằng chữ là 30.000.000 đồng. Khi vay thỏa thuận thời hạn vay là 01 năm, không thỏa thuận lãi suất và có anh Trần Đăng K ký tên là người làm chứng. Lần 3 vào ngày 17/9/2013 cho bà Trần Thị H vay 30.000.000đ, thời hạn vay 02 tháng và không thỏa thuận lãi suất và có anh Trần Đăng K ký tên người làm chứng. Tổng ba lần chốt nợ số tiền vay là: 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng). Nguồn gốc toàn bộ số tiền cho bà H vay là do ông và bà Trịnh Thị M tiết kiệm mà có. Sau khi vay tiền thì đến thời hạn trả nợ ông đã rất nhiều lần yêu cầu bà H phải trả nợ nhưng bà H đều khất lần vì lý do làm ăn thua lỗ. Ông xác định đến thời điểm ông khởi kiện bà H vẫn chưa thanh toán cho ông bất kỳ số tiền nào kể cả gốc và lãi.

Tại đơn khởi kiện ông đề nghị bà H phải trả nợ cho ông và bà M số tiền 100.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa ông tự nguyện yêu cầu bà H phải trả nợ cho ông và bà M số tiền vay là 80.000.000 đồng và đề nghị tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn bà Trần Thị H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày: Tại thời điểm năm 2012 bà quen biết làm ăn buôn bán với vợ chồng ông H, bà M và bà có vay tiền nhiều lần có lúc 10.000.000đ, có lúc 15.000.000đ. Tổng cộng bà vay nhiều lần số tiền là 65.000.000đ. Vào các ngày 20/8/2012; ngày 10/9/2012; ngày 17/9/2013, bà và ông H ngồi chốt nợ với nhau mặc dù bà là người viết giấy chốt nợ nhưng số tiền không phải là 80.000.000đ, bà chỉ chấp nhận số tiền vay 65.000.000đ và cứ 10.000.000đ tiền vay thì phải trả tiền lãi 2.000.000đ/1 tháng (bà H không có giấy tờ gì để chứng minh về số tiền vay 65.000.000 đồng và việc trả lãi cho ông H 2.000.000đ/tháng). Quá trình vay nợ bà xác định chỉ trả lãi từ năm 2012 đến năm 2014 sau đó do làm ăn thua lỗ bà không trả được lãi cho ông H. Đến năm

2016 và năm 2017 (bà không nhớ ngày, tháng) bà đã trả cho ông H 20.000.000đ vào tài khoản của con dâu ông H là chị Nguyễn Thị Q có số tài khoản 8706205052576 tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Văn Yên, Yên Bái; lần hai trả cho ông H 15.000.000đ vào tài khoản của con gái ông Hồng là chị Vũ Thị H có số tài khoản 3711100008099 tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Yên Bái. Các lần chuyển tiền cho trả ông H thông qua chị Q và chị H thì bà đều thực hiện giao dịch chuyển tiền tại cửa hàng Phú Lợi (chuyển qua dịch vụ Viettel - chủ cửa hàng là Nguyễn Văn P, địa chỉ: thôn Đ, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc). Mỗi lần chuyển tiền xong bà đều điện thoại cho con ông H để xác nhận (vì thời gian đã lâu nên bà không giữ được chứng từ gửi tiền cho chị Q và chị H để nộp cho Tòa án).

Ngày 05/6/2017 ông H có đến nhà bà bảo bà ghi lại giấy vay tiền ngày 10/9/2012 số tiền 20.000.000đ vì ông H bảo đã làm rách giấy và bà đã ghi lại. Tuy nhiên bà không có giấy tờ gì chứng minh để nộp cho Tòa án. Bà không chấp nhận khoản vay 20.000.000đ theo trình bày của ông H.

Ngày 25/11/2020 ông Lê Văn S (chồng bà H) đã trả cho ông H 5.000.000 đồng và ông S có vay tiền sơn cháu Lê Văn S (con trai bà H) 5.000.000đ để trả cho ông H. Tổng số: 10.000.000 đồng và bà xác nhận ông S trả cho ông H là để đổi trừ trả vào khoản tiền bà vay của ông H.

Tại phiên tòa bà H xác định bà đã được xem 03 giấy vay tiền mà ông H cung cấp cho Tòa án. Bà H xác nhận bà là người chót nợ với ông H và bà trực tiếp viết giấy vay tiền ngày 17/9/2013 chữ ký, chữ viết của bà ở mục người vay là đúng. Giấy vay tiền ngày 20/8/2012 là do bà viết, chữ ký, chữ viết của bà ở mục người vay là đúng. Giấy vay tiền ngày 10/9/2012 là do bà viết, chữ ký, chữ viết của bà ở mục người vay là đúng. Tuy nhiên bà xác nhận trong ba giấy vay tiền tổng số nợ 100.000.000 đồng hoặc 80.000.000 đồng như ông H trình bày thì bà không đồng ý. Bà xác nhận mặc dù bà trực tiếp viết giấy như vậy nhưng bà chỉ vay ông H 65.000.000 đồng và bà đã trả được 45.000.000 đồng hiện nay chỉ còn nợ ông Hồng 20.000.000đ.

Tại phiên tòa người làm chứng anh Trần Đăng K có quan điểm trình bày:
Anh là em trai ruột của chị Trần Thị H. Anh đã được xem hai giấy vay tiền do ông H cung cấp cho Tòa án là ngày 10/9/2012 và ngày 17/9/2012. Anh thừa nhận có biết việc vay nợ tiền giữa bà H và ông H từ trước đó. Anh xác nhận đến ngày 10/9/2012 và ngày 17/9/2012 là ngày ông H, bà H chót nợ với nhau số tiền đã vay. Anh xác nhận anh có ký tên vào mục người chứng kiến còn nội dung giấy vay tiền

do anh tin tưởng bà H và ông H đã chốt nợ nên không đọc lại nên không biết có sự mâu thuẫn về số tiền vay ngày 17/9/2012. Nay ông H đề nghị bà H phải trả nợ thì ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành làm việc với ông Lê Văn S xác định ông S trả tiền cho ông H là liên quan đến khoản vay riêng giữa ông và ông H, không liên quan đến khoản nợ của bà H. Anh Lê Văn S xác nhận là liên quan đến khoản tiền sơn nhà cho ông H và không liên quan đến khoản vay của bà H.

Chị Đào Thị Ngọc Q và chị Vũ Thị H đã có văn bản gửi Tòa án thể hiện nội dung bà H khai nhận có thực hiện giao dịch trả tiền cho ông H thông qua việc chuyển khoản vào số tài khoản của các chị nhưng thực tế vào các năm 2016 và năm 2017 không có giao dịch chuyển tiền vào tài khoản của các chị như lời khai của bà H. Đồng thời các chị có gửi kèm theo sao kê chi tiết giao dịch số tài khoản cá nhân trong hai năm 2016 và 2017 để chứng minh không có việc chuyển tiền như bà H trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định đúng quan hệ pháp luật và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Tuy nhiên viện kiểm sát có kiến nghị Tòa án xác định không đúng tư cách người tham gia tố tụng đối với anh Lê Văn Sơn là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự vì trong quá trình giải quyết vụ án anh S trình bày không có nội dung liên quan đến tranh chấp với ông H và bà H (trong trường hợp này phải xác định anh S là người làm chứng); Việc thu thập chứng cứ chưa đảm bảo theo quy định Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự vì trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không yêu cầu nguyên đơn giao nộp chứng cứ là 03 giấy vay tiền bản chính; Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 11/6/2021 ông Hồng có cung cấp bổ sung chứng cứ là lời trình bày của chị H, chị Q (con ông H) và 02 bảng sao kê tài khoản của hai chị để chứng minh năm 2016, năm 2017 không có việc bà H chuyển khoản trả tiền cho ông H, Tòa án không có văn bản thông báo về tài liệu, chứng cứ này cho bà H biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình là vi phạm khoản 5 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/YBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Hải phải trả nợ cho ông H, bà M số tiền 80.000.000 đồng và đề nghị giải quyết về phần án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông H có đơn khởi kiện yêu cầu bà H phải trả nợ số tiền vay cho ông và bà M. Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Sông Lô.

[2] Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo nội dung đơn khởi kiện ông H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị H phải có trách nhiệm trả nợ cho ông và bà M số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H có thay đổi chỉ đề nghị bà H phải trả nợ 80.000.000 đồng theo các giấy vay tiền đã chốt nợ vào các ngày 20/8/2012; ngày 10/9/2012 và ngày 17/9/2013. Bà H thừa nhận tại các ngày trên bà và ông H chốt nợ thì bà là người trực tiếp viết giấy vay tiền và ký tên. Mặc dù bà H không thừa nhận về số tiền vay ông H bà M là 80.000.000 đồng như đã viết trong các giấy vay tiền đã chốt nợ nhưng cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho quan điểm về việc bà chỉ vay ông H số tiền vay là 65.000.000 đồng. Căn cứ chứng cứ là các giấy vay tiền chốt nợ do nguyên đơn giao nộp và sự thừa nhận của bị đơn thì có căn cứ xác định giữa các bên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của việc vay tài sản. Đến hạn trả nợ bà H đều không thực hiện đúng nghĩa vụ mặc dù ông H đã rất nhiều lần đến đòi nợ. Việc bà H không thực hiện đúng cam kết, vi phạm việc trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ số tiền vay 80.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với quan điểm của bà H cho rằng bà đã trả nợ cho ông H, bà M số tiền vay thông qua việc chuyển trả tiền vay cho ông H vào số tài khoản của chị Đào Thị Ngọc Q và chị Vũ Thị H là con gái và con dâu ông H nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh việc chuyển tiền vào tài khoản của chị H và chị Q. Mặt khác nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án chứng cứ là văn bản thể hiện quan điểm

của chị Q, chị H thể hiện không có việc bà H chuyển tiền vào tài khoản của các chị để trả nợ cho ông H. Đồng thời có cung cấp sao kê chi tiết giao dịch tài khoản năm 2016-2017 thì không phát sinh giao dịch chuyển tiền vào tài khoản từ bà H và số tiền như bà H trình bày. Ngoài ra bà H có trình bày ông Lê Văn S và anh Lê Văn S đã trả tiền cho ông H để trả nợ thay cho bà nhưng cả ông S và anh S đều xác nhận là liên quan đến khoản vay riêng giữa ông S và ông H, bà M (vợ ông H), giao dịch làm sơn nhà giữa ông H và anh S và đều không liên quan đến khoản nợ của bà H. Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là văn bản ngày 30/8/2020 thể hiện nội dung ông Lê Văn S vay tiền bà Trịnh Thị M số tiền 10.000.000 đồng; và văn bản ngày 28/5/2021 thể hiện nội dung giữa ông Vũ Xuân H và anh Lê Văn S chốt số tiền sơn nhà. Do đó quan điểm của bị đơn về việc trả nợ cho nguyên đơn là không có căn cứ và không được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà Trần Thị H phải chịu án phí tương ứng với số tiền phải trả là $80.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.000.000 \text{ đồng}$ (bốn triệu đồng).

[4] Đối với kiến nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa về việc Tòa án xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng đối với anh Lê Văn S là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và lời khai của anh Lê Văn S trong quá trình giải quyết vụ án có căn cứ xác định anh S không có liên quan đến tranh chấp với ông H và bà H do đó tại phiên tòa hội đồng xét xử đã xác định lại tư cách tham gia tố tụng đối với anh S là người làm chứng được thể hiện tại bản án là phù hợp pháp luật.

Đối với kiến nghị về việc không thu thập chứng cứ là bản chính giấy vay tiền. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng cứ là bản chính giấy vay tiền và đã được lưu trong hồ sơ vụ án. Đối với kiến nghị về việc không có văn bản thông báo về tài liệu chứng cứ mới do nguyên đơn cung cấp phát sinh sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với những tài liệu, chứng cứ mới do nguyên đơn cung cấp sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì hội đồng xét xử đã công bố công khai các chứng cứ mới tại phiên tòa cho các đương sự biết. Vì vậy kiến nghị nêu trên của kiểm sát viên tại phiên tòa là không phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Vũ Xuân H và bà Trịnh Thị M số tiền vay là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Vũ Xuân H, bà Trịnh Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị H không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Hoàn trả lại ông Vũ Xuân H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0009135 ngày 02/12/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Khương Đặng Khánh Hằng

